

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 05-01-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hơn.

2. Bà Phan Thị Đẹp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Nhật Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Mại Cổ phần S (Tên viết tắt: S).

Địa chỉ: 266-268 đường N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện cho S2: Ông Nguyễn Văn Gi – Giám đốc S2 - Chi nhánh Tiền Giang.

Địa chỉ: 06 đường Đ, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy ủy quyền số 3972/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019, Quyết định ủy quyền số 3977/2020/GUQ-PL ngày 28/12/2020).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Gi: Anh Nguyễn Quốc S1 – Chuyên viên Quản lý nợ Chi nhánh Tiền Giang (Có mặt).

Địa chỉ: 06 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền ngày 29/6/2020).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh Nh, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 7/6 đường Ph, phường B, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020 của S2 và quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Quốc S1 là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc S2 - Chi nhánh Tiền Giang trình bày:*

Ngày 06/5/2014, S2 với anh Huỳnh Minh Nh giao kết 02 Hợp đồng gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng với Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S2, loại thẻ nội địa để vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,6%/tháng, thời gian áp dụng từ ngày phát hành đến khi tắt toán thẻ, lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ trả nợ ngày 5 hàng tháng, số tiền thanh toán tối thiểu là 5% dư nợ cuối kỳ và hạn mức sử dụng cấp cho anh Nh số tiền 25.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng số LD1919100241 đính kèm các điều khoản chung về cấp tín dụng ngày 10/7/2019 cho anh Nh vay 120.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, vốn và lãi trả hàng tháng theo lịch trả nợ vào ngày 01 hàng tháng theo dư nợ giảm dần, ngày đáo hạn 10/7/2024, lãi suất 7,1%/năm có thay đổi định kỳ 3 tháng/lần.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng anh Nh thực hiện các giao dịch đến ngày 05/02/2020 với số tiền 219.270.000 đồng, tiền lãi 14.908.835 đồng, tiền phí là 3.845.713 đồng, đã thanh toán cho S2 213.875.413 đồng (nợ gốc 197.251.740 đồng, lãi và phí 16.623.673 đồng). Đối với số tiền vay của Hợp đồng LD1919100241, anh Nh đã thanh toán đến ngày 01/10/2019 được 03 kỳ với vốn là 6,000,000 đồng, lãi 1.907.531 đồng. Anh Nh ngưng thanh toán cho S2 kể từ ngày 01/11/2019 của Hợp đồng LD1919100241 và ngày 05/02/2020 của khoản cho vay thẻ tín dụng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó ngày 05/02/2020 S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển sang nợ quá hạn đối với các khoản trên quy định tại Bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và điều khoản chung về cấp tín dụng của S2 vì anh Nh không thanh toán số tiền tối thiểu là 5% dư nợ cuối kỳ, vi phạm thỏa thuận chậm trả nợ gốc, lãi của hợp đồng LD1919100241.

Số tiền anh Nh còn phải thanh toán cho S2 tính đến ngày khởi kiện 05/10/2020 gồm: Khoản cho vay thẻ tín dụng 31.777.877 đồng, vốn 24.149.135 đồng, lãi 7.628.742 đồng. Hợp đồng tín dụng số LD1919100241 là 133.859.225 đồng, vốn 114.000.000 đồng, lãi trong hạn 16.334.613 đồng, lãi quá hạn 2.759.835 đồng, lãi chậm trả 764.777 đồng. Nay S2 yêu cầu anh Nh trả vốn và lãi của các khoản vay trên đến ngày xét xử với số tiền là 174.225.802 đồng gồm: Khoản vay cho thẻ tín dụng 34.666.125 đồng, vốn 24.149.135 đồng, lãi 10.516.990 đồng. Hợp đồng tín dụng số LD1919100241 là 139.559.677 đồng, vốn 114.000.000 đồng, lãi trong hạn 19.973.827 đồng, lãi quá hạn 4.378.224 đồng, lãi chậm trả 1.207.626 đồng khi án có hiệu lực. Sau ngày này, anh Nh chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi theo thỏa thuận của các khoản vay trên cho đến khi trả hết nợ.

* Đối với anh Huỳnh Minh Nh từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đương sự không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của S2 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” với Huỳnh Minh Nh thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa, anh Huỳnh Minh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của S2 yêu cầu anh Nh trả tiền vay và tiền lãi của khoản cho vay thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng số LD1919100241.

Qua lời trình bày của anh Nguyễn Quốc S1 là người đại diện của S2 tại phiên tòa. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cùng với Bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S2 ngày 06/5/2014 tạo nên hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng số LD1919100241 ngày 10/7/2019 có nội dung: Bên được cấp tín dụng, sử dụng thẻ tín dụng là anh Nh nên có sở xác định S2 và anh Nh có giao kết hợp đồng tín dụng cho vay tiền bằng thẻ tín dụng, anh Nh sử dụng loại thẻ nội địa với hạn mức sử dụng cấp cho anh Nh là 25,000,000 đồng và 120,000,000 đồng vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1919100241 với mục đích tiêu dùng cá nhân, cả hai hợp đồng không áp dụng biện pháp bảo đảm.

Theo tóm tắt sao kê ngày 05/10/2020, anh Nh đã thực hiện các giao dịch, đã thanh toán cho S2 khoản cho vay thẻ tín dụng ngày 06/5/2014 đến ngày 05/02/2020 còn dư nợ 24.149.135 đồng và Hợp đồng LD1919100241 ngày 10/7/2019 đến ngày 01/10/2019 dư nợ gốc 114.000.000 đồng. Việc ngưng thanh toán của anh Nh kể từ thời gian trên đã vi phạm hợp đồng về thời gian trả gốc, lãi. Bởi anh Nh không thanh toán số tiền tối thiểu là 5% dư nợ cuối kỳ của khoản cho vay thẻ tín dụng và vốn, lãi theo kỳ thanh toán của Hợp đồng LD1919100241 dẫn đến toàn bộ dư nợ gốc của các khoản này trở nên đến hạn. Do đó S2 chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ của các hợp đồng trên sang nợ quá hạn, tiền lãi quá hạn được tính trên dư nợ và áp dụng lãi suất quá hạn của khoản cho vay thẻ tín dụng kể từ ngày 05/02/2020 và Hợp đồng LD1919100241 kể từ ngày 01/11/2019 là 150% của lãi suất trong hạn quy định tại Điều 2, 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S2; mục 1.2, 1.5 Điều 1, tiểu mục b mục 2.1, 2.4 và 2.5 Điều 2 của các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng tín dụng số LD1919100241. Với mức lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi

suất trong hạn đối với các khoản cho vay trên là phù hợp với Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S2 dành cho khách hàng cá nhân và lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng được quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Vì vậy S2 yêu cầu anh Nh thanh toán nợ gốc, lãi của từng hợp đồng với mức lãi mức nói trên và tính đến ngày xét xử 05/01/2021 theo tóm tắt sao kê, bảng kê tính lãi của khoản cho vay thẻ tín dụng và Hợp đồng LD1919100241, cụ thể: Khoản cho vay thẻ tín dụng là 34.666.125 đồng, dư nợ quá hạn 24.149.135 đồng, lãi quá hạn 10.516.990 đồng. Hợp đồng LD1919100241 là 139.559.677 đồng, vốn 114.000.000 đồng, lãi trong hạn 19.973.827 đồng, lãi quá hạn 4.378.224 đồng, lãi chậm trả 1.207.626 đồng. Tổng cộng 174.225.802 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cho nên buộc anh Nh có nghĩa vụ trả cho S2 số tiền vay và lãi là 174.225.802 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu của S2 được chấp nhận, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.140.927 đồng. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm với mức thu 5% của số tiền 174.225.802 đồng nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận nên phải nộp 8.711.290 đồng, làm tròn 8.711.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1. Buộc anh Huỳnh Minh Nh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 174.225.802 (Một trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm lẻ hai) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Anh Nh phải chịu án phí sơ thẩm là 8.711.000 (Tám triệu bảy trăm mười một ngàn) đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.140.927 (Bốn triệu một trăm bốn mươi ngàn chín

trăm hai mươi bảy) đồng theo biên lai thu tiền số 02189 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP.Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Hoàng Yến